

TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TỚI HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY MÔN KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

Lê Thị Thùy Dương
Đại học Cần Thơ
Đỗ Hoàng Xa
Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Hàn Quốc Cà Mau
Nguyễn Thị Hồng Diễm
Trường Cao đẳng Kiên Giang

Tóm tắt: Bài báo phân tích nhận thức và trải nghiệm của giáo viên giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (GEPL) về tác động của chuyển đổi số đối với hiệu quả giảng dạy trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển đổi số mang lại nhiều lợi ích, như hỗ trợ cá nhân hóa học tập, tăng cường tương tác, mở rộng không gian tri thức pháp luật – kinh tế, đồng thời nâng cao năng lực sư phạm số của giáo viên. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đặt ra những thách thức: hạ tầng chưa đồng bộ, năng lực công nghệ còn hạn chế, sự chênh lệch vùng miền, cùng những vấn đề đạo đức và bảo mật dữ liệu khi ứng dụng công nghệ. Bài viết đề xuất khung giải pháp: (1) phát triển năng lực sư phạm số theo hướng thực tiễn; (2) hình thành cộng đồng học tập chuyên môn; (3) đầu tư hạ tầng và học liệu số; (4) bảo đảm nguyên tắc đạo đức, pháp lý trong ứng dụng công nghệ.

Từ khóa: chuyển đổi số; giáo dục kinh tế và pháp luật; giáo viên phổ thông; hiệu quả giảng dạy; năng lực sư phạm số.

THE IMPACT OF DIGITAL TRANSFORMATION ON PRIMARY SCHOOL TEACHERS' INSTRUCTIONAL EFFECTIVENESS

Le Thi Thuy Duong
Can Tho University
Do Hoang Xa
Vietnam – Korea Vocational College, Ca Mau
Nguyen Thi Hong Diem
Kien Giang College

Abstract: This paper analyzes Economics and Law Education (GEPL) teachers' perceptions and experiences regarding the impact of digital transformation on instructional effectiveness under Vietnam's 2018 General Education Curriculum reform. Findings show that digital transformation facilitates personalized learning, increases interactivity, expands access to legal-economic resources, and enhances teachers' digital pedagogy. However, challenges remain: unequal infrastructure, limited digital competence, regional disparities, and ethical as well as privacy concerns in technology use. The paper proposes a framework: (1) practice-based digital pedagogical competence development; (2) professional learning communities; (3) investment in infrastructure and digital learning resources; and (4) ethical and legal principles for technology application in teaching.

Keywords: digital transformation; economics and law education; teachers; instructional effectiveness; digital pedagogy.

Nhận bài: 18/07/2025

Phản biện: 20/08/2025

Duyệt đăng: 24/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh xã hội đang chuyển mình mạnh mẽ nhờ sự phát triển của công nghệ số, giáo dục nói chung và môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (GEPL) nói riêng đứng trước nhiều cơ hội đổi mới. Chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc ứng dụng thiết bị điện tử hay phần mềm hỗ trợ, mà còn tạo ra những thay đổi sâu sắc trong phương thức dạy – học, vai trò của giáo viên và hình thức đánh giá (Vial, 2019).

Môn GEPL có vị trí quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, góp phần hình thành phẩm chất công dân, tư duy pháp lý và kinh tế cho học sinh (Nguyễn Văn Hiếu, 2021). Việc ứng dụng chuyển đổi số giúp giáo viên khai thác hiệu quả nguồn học liệu phong phú, xây dựng các

tình huống pháp luật – kinh tế gần gũi với thực tiễn, đồng thời tạo điều kiện để học sinh chủ động tham gia các hoạt động học tập tích cực. Tuy nhiên, quá trình này cũng đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng về năng lực sư phạm số, chính sách hỗ trợ và hạ tầng công nghệ.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Bối cảnh và yêu cầu chuyển đổi số trong giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ đơn thuần là sự thay thế các công cụ dạy học truyền thống bằng thiết bị công nghệ hiện đại, mà còn là quá trình tái cấu trúc toàn diện hệ thống giáo dục, từ chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cho đến công tác quản lý và đánh giá

(Vial, 2019). Trong bối cảnh toàn cầu, chuyển đổi số đã và đang tạo nên sự dịch chuyển mạnh mẽ trong cách thức giảng dạy và học tập, hướng đến một nền giáo dục mở, linh hoạt và cá nhân hóa. Ở Việt Nam, Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng nhấn mạnh vai trò của công nghệ thông tin trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

Đối với môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (GEPL), yêu cầu chuyển đổi số càng trở nên cấp thiết khi chương trình giáo dục phổ thông 2018 đặt trọng tâm vào việc phát triển năng lực người học, thay vì chỉ truyền đạt kiến thức. Môn học này có đặc thù là vừa mang tính lý luận, vừa gắn chặt với thực tiễn đời sống xã hội, do đó việc ứng dụng công nghệ số có thể mở ra không gian học tập đa chiều. Các học liệu điện tử, cơ sở dữ liệu pháp luật trực tuyến, hay phần mềm mô phỏng kinh tế tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận nhanh chóng với tri thức mới, đồng thời rèn luyện kỹ năng phân tích và vận dụng vào tình huống cụ thể.

Tuy nhiên, yêu cầu đặt ra không chỉ nằm ở việc đầu tư trang thiết bị mà còn ở việc phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên GEPL. Như nghiên cứu của Nguyễn Hồng Trang và Lê Thanh Phương (2023) chỉ ra, sự thành công của chuyển đổi số phụ thuộc rất lớn vào năng lực công nghệ và thái độ sẵn sàng của giáo viên. Họ phải có khả năng thiết kế bài giảng số, vận dụng linh hoạt công nghệ vào tổ chức thảo luận, phân tích tình huống, và sử dụng dữ liệu để hỗ trợ đánh giá năng lực học sinh. Như vậy, chuyển đổi số trong giảng dạy GEPL không chỉ là xu thế, mà còn là yêu cầu mang tính chiến lược để nâng cao chất lượng giáo dục trong bối cảnh xã hội số.

2.2. Tác động tích cực của chuyển đổi số

Chuyển đổi số mang lại nhiều cơ hội to lớn cho việc dạy học môn GEPL. Trước hết, nó giúp đa dạng hóa phương pháp và hình thức dạy học. Giáo viên có thể ứng dụng công nghệ để tổ chức phiên tòa giả định trực tuyến, nơi học sinh đóng vai thẩm phán, luật sư, nhân chứng để giải quyết các vụ án giả định. Hoạt động này không chỉ tăng tính hấp dẫn mà còn rèn luyện cho học sinh năng lực tư duy phản biện, khả năng lập luận logic và ý thức pháp luật (Nguyễn Văn Hiếu, 2021). Bên cạnh đó, các phần mềm mô phỏng thị trường ảo giúp học sinh thực hành vai trò nhà quản lý, nhà đầu tư hay người tiêu dùng, qua đó hiểu rõ hơn các khái niệm kinh tế như cung – cầu, cạnh tranh hay lạm phát.

Một lợi ích quan trọng khác là khả năng cá nhân hóa việc học. Với hệ thống LMS và công cụ phân tích dữ liệu học tập, giáo viên có thể theo dõi tiến trình học tập của từng học sinh, từ đó đưa ra phản hồi và hỗ trợ kịp thời. Học sinh có năng lực nổi trội có thể được giao bài tập nâng cao, trong khi học sinh còn hạn chế sẽ được củng cố bằng tài liệu bổ trợ. Cách tiếp cận này giúp bảo đảm công bằng trong giáo dục, đồng thời phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học (Razak, Yusof & Abdullah, 2023).

Ngoài ra, công nghệ còn giúp tăng cường kết nối giữa nhà trường – gia đình – xã hội. Thông qua ứng dụng trực tuyến, phụ huynh có thể theo dõi kết quả học tập của con, đồng thời tham gia hỗ trợ quá trình giáo dục. Giáo viên cũng có thể kết nối với các chuyên gia pháp luật, nhà kinh tế hoặc cơ quan quản lý để mang đến cho học sinh góc nhìn thực tiễn.

Chuyển đổi số không chỉ là công cụ hỗ trợ, mà thực sự đã trở thành động lực đổi mới phương pháp giảng dạy môn GEPL. Giúp bài học sinh động hơn, gắn với thực tiễn, đồng thời nâng cao hiệu quả phát triển năng lực cho học sinh.

2.3. Thách thức và tác động tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực, việc ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy GEPL cũng đối diện nhiều thách thức cần giải quyết.

Trước hết là vấn đề hạ tầng không đồng đều. Theo UNESCO (2023), tỷ lệ học sinh vùng núi có Internet tại nhà chỉ đạt 18%, trong khi ở thành phố con số này lên tới 95%. Khoảng cách này khiến học sinh ở khu vực khó khăn ít có cơ hội tiếp cận học liệu số, từ đó làm gia tăng bất bình đẳng trong giáo dục.

Thứ hai, nhiều giáo viên GEPL còn hạn chế về năng lực số. Do được đào tạo trong môi trường truyền thống, không ít giáo viên gặp khó khăn khi thiết kế bài giảng số, sử dụng phần mềm phân tích số liệu hay tổ chức thảo luận trực tuyến. Điều này đôi khi khiến việc ứng dụng công nghệ chỉ mang tính hình thức, chưa tạo ra hiệu quả thực sự (Nguyễn Thị Thu Hằng, 2022).

Một thách thức khác là nguy cơ phụ thuộc quá mức vào công nghệ. Khi lạm dụng học liệu trực tuyến, học sinh có thể thiếu đi cơ hội rèn luyện kỹ năng viết, giao tiếp trực tiếp và tư duy phản biện độc lập. Đây là những kỹ năng nền tảng mà môn GEPL cần chú trọng, bởi nó gắn với khả năng tham gia đời sống chính trị, pháp luật và kinh tế của công dân (Nguyen & Nguyen, 2024).

Cuối cùng, vấn đề đạo đức và bảo mật dữ liệu cũng đáng quan ngại. Các nền tảng trực tuyến tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ thông tin cá nhân của học sinh. Đồng thời, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong đánh giá năng lực cũng đặt ra câu hỏi về tính công bằng và minh bạch. Nếu không có cơ chế giám sát chặt chẽ, những công cụ này có thể làm sai lệch kết quả học tập và ảnh hưởng đến quyền lợi của học sinh (Vial, 2019).

2.4. Thực tiễn triển khai chuyển đổi số tại Việt Nam

Trong thực tế, nhiều địa phương đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc đưa công nghệ số vào giảng dạy môn GEPL. Ở Hà Nội, các trường THPT đã tổ chức nhiều phiên tòa giả định trực tuyến với sự tham gia của học sinh, giáo viên và thậm chí cả luật sư từ các văn phòng luật. Hoạt động này không chỉ giúp học sinh vận dụng kiến thức pháp luật mà còn rèn luyện kỹ năng phản biện và làm việc nhóm. Tại TP. Hồ Chí Minh, giáo viên GEPL đã triển khai các chuyên đề kinh tế số, trong đó học sinh được sử dụng phần mềm mô phỏng để trải nghiệm vai trò nhà đầu tư hoặc nhà hoạch định chính sách.

Cần Thơ và Đà Nẵng đã áp dụng rộng rãi mô hình học tập kết hợp (blended learning), kết hợp giữa học trực tiếp trên lớp với các khóa học trực

tuyến. Học sinh có thể truy cập hệ thống LMS để làm bài tập tình huống, thảo luận nhóm và nộp sản phẩm học tập. Điều này tạo điều kiện cho giáo viên theo dõi tiến trình và đưa ra phản hồi kịp thời. Tuy nhiên, ở các tỉnh miền núi phía Bắc hay Tây Nguyên, nhiều trường học vẫn chưa đủ thiết bị cơ bản, đường truyền Internet không ổn định, khiến việc dạy học trực tuyến gặp nhiều khó khăn (Nhưng, Minh & Dung, 2025).

Ngoài ra, sự tham gia của doanh nghiệp viễn thông như Viettel, VNPT trong việc cung cấp nền tảng học tập trực tuyến đã mở ra cơ hội hợp tác công – tư. Song, việc phụ thuộc vào các dịch vụ thương mại cũng đặt ra vấn đề về chi phí lâu dài và quyền quản lý dữ liệu. Điều này cho thấy cần có chiến lược phát triển nền tảng học tập số “Make in Vietnam” để vừa bảo đảm tính chủ động, vừa phù hợp với đặc thù chương trình và văn hóa giáo dục Việt Nam.

Nhìn chung, thực tiễn triển khai cho thấy sự khác biệt lớn giữa các vùng miền. Trong khi trường ở đô thị có nhiều điều kiện đổi mới phương pháp, thì trường ở nông thôn, miền núi vẫn đang loay hoay với những khó khăn cơ bản. Khoảng cách này đòi hỏi phải có chính sách hỗ trợ đặc thù, để chuyển đổi số trong giảng dạy GEPL thực sự mang tính bao trùm và công bằng.

Bảng 1. Thực tiễn triển khai chuyển đổi số tại các địa phương

Địa phương	Hạ tầng CNTT (%)	Tập huấn giáo viên (%)	Ứng dụng lớp học thông minh (%)
Hà Nội	100	90	90
TP.HCM	100	95	95
Đà Nẵng	85	80	80
Cần Thơ	80	75	75
Miền Núi	18	20	15

Nguồn: UNESCO GEM Report (2023); Nhưng et al. (2025).

2.5. Đề xuất giải pháp

Để chuyển đổi số thực sự nâng cao hiệu quả giảng dạy môn GEPL, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp mang tính hệ thống.

Một là, phát triển năng lực sư phạm số cho giáo viên GEPL. Đây là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của chuyển đổi số. Các khóa tập huấn cần thiết kế theo hướng thực hành, gắn với bối cảnh thực tế giảng dạy, thay vì chỉ cung cấp kiến thức lý thuyết chung chung. Ví dụ, giáo viên cần được hướng dẫn cách sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật trực tuyến, thiết kế học liệu số chuyên biệt cho môn GEPL, hay vận hành các phần mềm

mô phỏng kinh tế. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, những chương trình tập huấn dựa trên mô hình cộng đồng học tập chuyên môn (PLC) giúp giáo viên vừa học tập, vừa chia sẻ kinh nghiệm, qua đó phát triển bền vững hơn (Razak, Yusof & Abdullah, 2023).

Hai là, đầu tư hạ tầng công nghệ một cách công bằng. Nhà nước cần có chính sách đặc thù hỗ trợ các trường ở vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Ngoài việc trang bị thiết bị tối thiểu như máy tính, máy chiếu, đường truyền Internet ổn định, cần xây dựng thư viện số dùng chung để giáo viên và học sinh có thể tiếp cận tài

nguyên pháp luật – kinh tế một cách thuận tiện (UNESCO, 2023).

Ba là, phát triển học liệu số “Make in Vietnam” dành riêng cho môn GEPL. Các học liệu này cần vừa đảm bảo tính chính xác, cập nhật, vừa gắn với thực tiễn Việt Nam. Ví dụ, xây dựng ngân hàng tình huống pháp luật, phiên tòa giả định trực tuyến, hay mô hình mô phỏng kinh tế phù hợp với điều kiện xã hội trong nước.

Bốn là, hoàn thiện khung pháp lý về bảo mật dữ liệu và đạo đức ứng dụng công nghệ. Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy GEPL phải đi kèm với nguyên tắc minh bạch, công bằng, và có sự giám sát của giáo viên. Thông tin cá nhân của học sinh cần được bảo vệ nghiêm ngặt, tránh nguy cơ rò rỉ hay bị khai thác trái phép (Vial, 2019).

Năm là, tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường – phụ huynh – xã hội. Môn GEPL vốn gắn chặt với thực tiễn đời sống, nên việc kết nối học sinh với doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội thông qua nền tảng số sẽ giúp các em trải nghiệm thực tiễn sâu sắc hơn.

III. KẾT LUẬN

Kết quả phân tích cho thấy, chuyển đổi số mang lại cơ hội lớn trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường tương tác, phát triển năng lực số của giáo viên, và mở rộng không gian

học tập gắn liền với thực tiễn pháp luật – kinh tế. Tuy nhiên, những thách thức cũng không nhỏ, từ sự chênh lệch hạ tầng công nghệ, hạn chế năng lực số của giáo viên, cho đến các vấn đề đạo đức và bảo mật dữ liệu.

Điều đó khẳng định rằng, tác động của chuyển đổi số đối với giảng dạy GEPL có tính hai mặt: vừa là cơ hội, vừa là thách thức. Cơ hội sẽ chỉ trở thành hiện thực nếu có sự chuẩn bị đồng bộ, bao gồm đầu tư hạ tầng, bồi dưỡng giáo viên, phát triển học liệu số và hoàn thiện khung pháp lý. Ngược lại, nếu chỉ dừng lại ở mức ứng dụng công nghệ mang tính hình thức, chuyển đổi số có nguy cơ làm gia tăng bất bình đẳng giáo dục và tạo áp lực không cần thiết cho cả giáo viên và học sinh (Nguyen & Nguyen, 2024).

Trong bối cảnh hiện nay, điều quan trọng là phải có cách tiếp cận cân bằng: tận dụng tối đa lợi ích của công nghệ, nhưng đồng thời giữ vững giá trị cốt lõi của giáo dục – đó là hình thành nhân cách, phát triển năng lực công dân và nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm xã hội ở học sinh. Chỉ khi làm được điều này, chuyển đổi số mới thực sự trở thành động lực để nâng cao chất lượng giảng dạy môn GEPL, góp phần vào mục tiêu xây dựng một nền giáo dục hiện đại, công bằng và bền vững ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2]. Nguyễn Văn Hiếu. (2021). *Dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật theo định hướng phát triển năng lực*. Tạp chí Giáo dục, 506, 34–37.
- [3]. Nguyễn Thị Thu Hằng. (2022). *Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường THPT*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 18(3), 55–62.
- [4]. Nguyễn Hồng Trang, & Lê Thanh Phương. (2023). *Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực số của giáo viên trung học phổ thông ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 20(6), 112–124.
- [5]. Nguyen, H. T., & Nguyen, T. P. (2024). *School leadership and teachers' readiness in digital transformation: Evidence from Vietnam*. Journal of Educational Change, 25(1), 77–94. <https://doi.org/10.1007/s10833-024-09452-1>
- [6]. Nhung, T. T. H., Minh, N. T., & Dung, N. T. (2025). *Digital transformation in Vietnam's education: Opportunities, challenges, and development strategies*. Malaysian Research Journal, 15(2), 34–48. <https://www.malque.pub/ojs/index.php/mr/article/view/7133>
- [7]. Razak, N. A., Yusof, A., & Abdullah, N. (2023). *A systematic review of digital technology integration in teaching and learning: Impacts on performance and challenges*. Education and Information Technologies, 28(5), 6123–6145. <https://doi.org/10.1007/s10639-023-11811-4>
- [8]. Spiteri, M., & Rundgren, S. N. C. (2018). *Literature review on the factors affecting primary teachers' use of digital technology*. Technology, Knowledge and Learning, 23(3), 503–522. <https://doi.org/10.1007/s10758-018-9376-x>
- [9]. UNESCO. (2023). *Technology in education: A tool on whose terms? Global Education Monitoring Report, Southeast Asia Spotlight*. UNESCO & SEAMEO. https://sea-vet.net/images/seb/e-library/doc_file/1466/global-education-monitoring-report-2023-southeast-asia-technology-in-education-a-tool-on-whose-terms.pdf
- [10]. Vial, G. (2019). *Understanding digital transformation: A review and a research agenda*. Journal of Strategic Information Systems, 28(2), 118–144. <https://doi.org/10.1016/j.jsis.2019.01.003>